

Số: 08/QĐ-THPTNĐT

Vụ Bản, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Kế hoạch Tài chính năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai Kế hoạch tài chính năm 2022 của trường THPT Nguyễn Đức Thuận (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận liên quan, phụ trách kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Công TTĐT của trường;
- Lưu VT, KT;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Quang Đức

Số: 01/KH-THPTNĐT

Vụ Bản, ngày 10 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022

I, Căn cứ để xây dựng kế hoạch:

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 1639/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ vào Công văn số 1291/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện quản lý thu, chi học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do tỉnh quản lý năm học 2021-2022;

Căn cứ vào Công văn số 1821/BHXH-QT ngày 30/7/2021 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2021-2022;

Căn cứ vào các văn bản pháp luật của nhà nước còn hiệu lực về việc hướng dẫn và quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu chi tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường; kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo và điều kiện cụ thể của trường THPT Nguyễn Đức Thuận;

II, Mục đích xây dựng kế hoạch

- 1, Sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả đảm bảo các nguyên tắc tài chính theo quy định.
- 2, Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động; nâng cao chất lượng giáo dục
- 3, Huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- 4, Xây dựng khối đoàn kết nhà trường.
- 5, Kế hoạch tài chính giúp định hướng việc ra quyết định hàng ngày của đơn vị, giúp thủ trưởng đơn vị so sánh số lượng dự báo với kết quả thực tế và mang lại thông tin quan trọng nhằm đánh giá về hiệu quả tài chính tổng thể đơn vị.

III, Nhiệm vụ trọng tâm

- 1, Đảm bảo mọi chế độ chính sách đối với người cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động đúng, đủ, kịp thời.
- 2, Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.
- 3, Thực hiện việc XDCSVC, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học.
- 4, Huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trong trường.
- 5, Quản lý và sử dụng tài sản nhà trường có hiệu quả.
- 6, Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

IV, Nội dung kế hoạch tài chính

Để chủ động cho việc thực hiện công tác kế toán, tài chính năm 2022. Trường THPT Nguyễn Đức Thuận xây dựng kế hoạch thu, chi Ngân sách nhà nước; học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm 2022. Kế hoạch tài chính năm 2022 gồm 02 phần:

- A. Phần Thu:
 - B. Phần Chi
- Cụ thể chi tiết như sau:

A PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung			Số tiền		Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Thu từ dự toán ngân sách nhà nước			7.090.615.556			
1	Ngân sách thường xuyên chưa giao tự chủ			6.498.100.000		Các tháng trong năm	QĐ số 1639/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc giao và Đào tạo Nam Định về việc giao dự toán NSNN
2	Ngân sách không thường xuyên			344.515.556		Quý 2,3,4	
3	Cải cách tiền lương			248.000.000		Tháng 12	
STT	Nội dung	Số học sinh	Mức thu	Số tháng (Số tiết)	Tổng số tiền	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ						
1	Học phí (Bao gồm cả NS cấp bù học phí)			627.840.000			
1.1	Học kỳ 2 năm học 2021-2022	801	90.000	5	336.240.000	Các tháng thực học trong năm	Thu theo hướng dẫn số 1291/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2021 của SGD&ĐT
1.2	Học kỳ 1 năm học 2022-2023	845	90.000	4	283.500.000		
1.3	Số học phí cấp bù				8.100.000		
2	Coi xe học sinh			136.450.000			
2.1	Học kỳ 2 năm học 2021-2022			37.050.000		Tháng 2	Thu theo QĐ số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định.
2.1.1	Tiền coi xe đạp	118	10.000	5	5.900.000		
2.1.2	Xe đạp điện	322	15.000	5	24.150.000		
2.1.3	Xe máy	70	20.000	5	7.000.000		
2.2	Năm học 2022-2023			99.400.000		Tháng 11	Thu theo QĐ số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định.
2.2.1	Tiền coi xe đạp	130	10.000	10	13.000.000		
2.2.2	Xe đạp điện	412	15.000	10	61.800.000		
2.2.3	Xe máy	123	20.000	10	24.600.000		
III	Nguồn thu theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh						
1	Học thêm			1.967.990.000			
1.1	Học thêm đợt 3 năm học 2021-2022	742	5.000	96	356.160.000	Tháng 3	Thu theo hướng dẫn số 1291/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2021 của SGD&ĐT và có thỏa thuận với CMHS
1.2	Học thêm đợt 4 năm học 2021-2022	742	5.000	85	315.350.000	Tháng 5	
1.3	Học ôn thi tốt nghiệp năm học 2021-2022	248	5.000	252	312.480.000	Tháng 6	

STT	Nội dung	Số học sinh	Mức thu	Số tháng (Số tiết)	Tổng số tiền	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
1.4	Học thêm trong hè năm học 2021-2022	800	5.000	128	512.000.000	Tháng 8	Thu theo hướng dẫn số 1291/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2021 của SGD&ĐT và có thỏa thuận với CMHS
1.5	Học thêm đợt 1 năm học 2022-2023	800	5.000	118	472.000.000	Tháng 11	
2	Thu học tiếng anh có yếu tố nước ngoài (thu theo buổi)	50	50.000	30	75.000.000	Tháng 12	Thu theo HĐ liên kết và có thỏa thuận với CMHS
IV	Các khoản thu hộ chi hộ						
1	Số liên lạc điện tử (thu theo năm học)	788	70.000	1	55.160.000	Tháng 11	Thu theo HĐ với đơn vị cung cấp dịch vụ và có thỏa thuận với CMHS
2	BHYT học sinh				405.940.815		
	BHYT Lớp10	288	46.935	12	162.207.360	Tháng 12	Thu theo công văn số 1821/BHXH-QT ngày 30/7/2021 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Nam Định
	BHYT Lớp 11	264	46.935	12	148.690.080		
	BHYT Lớp 12	225	46.935	9	95.043.375		
3	Kinh phí CSSKBD				20.297.041		Theo quy định của cơ quan BHXH
	Cộng				10.379.293.412		

B PHÂN CHI

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền chi	Ghi chú
I	Ngân sách nhà nước	7.090.615.556	
1	Ngân sách thường xuyên chưa giao tự chủ	6.498.100.000	
1.1	Chi thanh toán cho cá nhân	5.562.702.600	
1.2	Chi chuyên môn nghiệp vụ	171.862.100	
1.3	Chi hàng hoá, dịch vụ	59.061.300	
1.4	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị	117.030.600	
1.5	Các khoản chi khác	587.443.400	
2	Ngân sách không thường xuyên	344.515.556	
2.1	kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí học tập và thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật	9.515.556	
2.2	Chi chuyên môn nghiệp vụ	137.500.000	
2.3	Chi hàng hoá, dịch vụ	6.190.000	
2.4	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị	191.310.000	
3	Chi cải cách tiền lương	248.000.000	
3.1	Chi lương, phụ cấp	248.000.000	
II	Hoạt động sản xuất Kinh doanh dịch vụ	764.290.000	
1	Học phí	627.840.000	
1.1	Trích 40% để tạo nguồn CCTL	251.136.000	
1.2	60% để chi TX cho các nhiệm vụ	376.704.000	
1.2.1	Chi chuyên môn nghiệp vụ	156.960.000	
1.2.2	Chi hàng hoá, dịch vụ	125.568.000	
1.2.3	Các khoản chi khác	94.176.000	
2	Coi xe	136.450.000	
2.1	Chi nộp thuế	13.645.000	
2.2	Chi tiền công coi xe	40.935.000	
2.3	Chi sửa chữa lán để xe học sinh	81.870.000	
III	Nguồn thu theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh	2.042.990.000	
1	Học thêm	1.967.990.000	
1.1	70% chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	1.377.593.000	

STT	Nội dung	Số tiền chi	Ghi chú
1.2	15% chi công tác chủ nhiệm, quản lý nề nếp, kỷ cương, phục vụ, bảo vệ, coi xe	295.198.500	
1.3	15% chi tiền điện, nước và sửa chữa CSVC	295.198.500	
2	Thu học tiếng anh có yếu tố nước ngoài	75.000.000	
	Chi trả nhà cung cấp dịch vụ	75.000.000	
IV	Các khoản thu hộ chi hộ	481.397.856	
1	Sổ liên lạc điện tử (thu theo năm học)	55.160.000	
	Chi trả nhà cung cấp dịch vụ	55.160.000	
2	BHYT học sinh	405.940.815	
	Chuyển mua thẻ BHYT học sinh	405.940.815	
3	Kinh phí CSSKBD	20.297.041	
	Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên và học sinh	20.297.041	
	Cộng	10.379.293.412	

Người lập



Hoàng Tuấn Nho

Thủ trưởng đơn vị



Trần Quang Đức